

Bản án số:47/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 08 năm 2022
“V/v Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN C THÀNH PHỐ ĐÀ N

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ánh N.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Công C .**

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh B.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liền Chiều: Ông **Võ Phước Khánh T -**
Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim T -** Cán bộ Tòa án
nhân dân quận Liền C , thành phố Đà N .

Ngày 17 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liền C thành phố
Đà N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2022/TLST-
HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 28/2022/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên
tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19.7.2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn : Bà **Phan Thị T -** Sinh năm 1978 – Trú tại : Tổ 93, phường
Hòa Minh, quận Liền C , thành phố Đà N , có mặt.

* Bị đơn : Ông **Nguyễn Ngọc H -** Sinh năm 1976 – Trú tại : Tổ 93, phường
Hũ Minh, quận Liền C , thành phố Đà N , vắng mặt không có lý do.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện về việc Ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là bà Phan Thị
T trình bày:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Ngọc H kết hôn vào
năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quảng T , huyện Quảng T , tỉnh
Quảng B , hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà sống chung tại tổ
93, phường Hòa Minh, quận Liền C , thành phố Đà N . Quá trình chung sống giữa
ông bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với
gia đình, thường xuyên la cà nhậu nhẹt, có những lúc nhậu say đến 2, 3 giờ sáng mới
về nhà, ngoài ra ông H cũng có nhiều thói hư tật xấu như đánh bài, gái gú... Bà T đó

nhiều lần khuyên nhủ ông H lo làm ăn lo cho gia đình nhưng ông H vẫn không thay đổi nên cuộc sống dần đi vào bế tắc. Nhiều lần vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã, xúc phạm nhau phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Đến năm 2021 thì ông bà chính thức sống ly thân, không ai cú trách nhiệm gì với ai. Bà Phan Thị T xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Phan Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Ngọc H đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, tạo điều kiện cho các bên hàn gắn và giải quyết vụ án nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc H theo quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên C phát biểu: Thẩm phán đó thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đó thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đó tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đó được Tòa án đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72, 227 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị T.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng : Bà Phan Thị T khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Liên C , thành phố Đà N - Là nơi cư trú của bị đơn, ông Nguyễn Ngọc H là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Phan Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Nguyễn Ngọc H . Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “ Tranh chấp Ly hôn ” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung : Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Ngọc H vắng mặt, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Ngọc H kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quảng T , huyện Quảng T , tỉnh Quảng B , hôn nhân trên cơ sở

tự nguyện, phù hợp các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên toà hôm nay, bà Phan Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ông Nguyễn Ngọc H, nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên la cà nhậu nhẹt, đánh bài... Bà T đó nhiều lần khuyên nhủ vẫn khụng thay đổi nên cuộc sống dần đi vào bế tắc. Nhiều lần vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã, xúc phạm nhau phải nhờ địa phương can thiệp giải quyết. Đến năm 2021 thì ông bà chính thức sống ly thân, không ai có trách nhiệm gì với ai, nay tình cảm không còn nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị T thì thấy: Giữa bà T và ông H đó tồn tại những mâu thuẫn trong quá trình hôn nhân, ông H không có trách nhiệm với gia đình, không có sự thấu hiểu và chia sẻ với nhau để cùng xây dựng, vun vén hạnh phúc gia đình, ông bà còn thường xuyên xô xát, đánh đập nhau, bản thân bà T thừa nhận hôn nhân không có hạnh phúc nên sống chung rất căng thẳng, đồng thời vợ chồng bà không có sự gắn bó trong tình cảm nên dẫn đến hôn nhân bế tắc, không bền vững, gắn kết dài lâu.

Theo biên bản xác minh của Toà án ở địa phương nơi ông bà cư trú thể hiện ông bà thường xuyên cãi vã to tiếng, xúc phạm và đánh đập nhau, nhiều lần chính quyền địa phương phải can thiệp, hứa giải nhưng không thành, hiện nay ông bà đó sống ly thân. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải và tạo điều kiện kéo dài thời gian cho ông H tìm cách hàn gắn tình cảm với bà T để ông bà có cơ hội đoàn tụ nhng ông H vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì phản hồi yêu cầu của Tòa án, đó thể hiện không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ, ngoài ra hôn nhân thực tế của ông bà đó chấm dứt vào thời điểm từ năm 2021 cho đến nay, hiện nay ông bà đó sống ly thõn với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Phan Thị T và ông Nguyễn Ngọc H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng các điều 51, 54, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị T đối với ông Nguyễn Ngọc H.

* Về quan hệ con chung: Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Ngọc H có 01 con chung tên Nguyễn Quốc K – Sinh ngày 02.9.2001.

Ly hôn, do con chung đó đủ tuổi thành niên (trên 18 tuổi) nên cháu muốn ở với ai thì tùy thuộc vào quyết định của cháu, bà T không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

* Về tài sản chung : Bà Phan Thị T xác định ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

* Về nợ chung: Bà Phan Thị T xác định ông bà không nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà.

[3]. *Về án phí*: Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) bà Phan Thị T phải nộp tiền án phí 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 227, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “ Ly hôn” của bà Phan Thị T đối với ông Nguyễn Ngọc H .

Xử: cho bà Phan Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H .

2. Về con chung: Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Ngọc H có 01 con chung tên Nguyễn Quốc K – Sinh ngày 02.9.2001.

Ly hôn, do con chung đủ tuổi thành niên (trên 18 tuổi) nên cháu muốn ở với ai thì tùy thuộc vào quyết định của cháu, bà T không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

* Về tài sản chung : Không có.

* Về nợ chung: Không có.

3. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Phan Thị T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ bà T đã nộp theo biên lai thu số 0000920 ngày 26/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên C , thành phố Đà N . Bà Phan Thị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Viện kiểm sát nhân dân quận Liên C ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ánh N